

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 454/2024/DS-PT
Ngày 26 – 11– 2024
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 276/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều D, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Việt K, sinh năm 1955 (Có mặt);

2. Bà Dương Thị B, sinh năm 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo chị Nguyễn Kiều D trình bày:

Vào ngày 20/5/2021 âm lịch (al), chị Nguyễn Kiều D có mở dây hui 500.000

đồng, tổng số 36 chung, mỗi tháng khai hội một lần. Vợ chồng ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B có tham gia 2 chung hội. Quá trình tham gia hội đến lần khai hội thứ 7 (nhằm ngày 20/11/2021 al) ông K, bà B bỏ hội hốt một chung được số tiền 11.570.000 đồng, chị D giao tiền cho ông K, bà B nhận. Đến lần khai hội thứ 13 (nhằm ngày 20/5/2022 al) chị Nguyễn Thị T là con gái của ông K, bà B bỏ hội dùm cho ông K, bà B hốt chung hội còn lại được số tiền 11.910.000 đồng, chị D giao giấy chung hội và tiền cho chị T nhận để chuyển cho ông K, bà B. Sau khi hốt hội, hàng tháng ông K, bà B đóng hội chết 2 chung số tiền 1.000.000 đồng đến tháng 12/2022 al thì ngưng đóng cho đến nay. Chị D đã xuất tiền đóng hội thay cho ông K, bà B cho đến khi mãn hội vào ngày 20/3/2024 al, tổng số tiền 2 chung là 15.000.000 đồng. Nay chị D yêu cầu ông K, bà B phải trả cho chị D số tiền là 15.000.000 đồng.

- Theo ông Nguyễn Việt K trình bày:

Ngày 20/5/2021 al, chị D có mở dây hội 500.000 đồng, tổng có 36 chung, mỗi tháng khai hội một lần, vợ chồng ông K, bà B có tham gia 2 chung hội. Hội khai được vài lần thì ông hốt chung hội thứ nhất, trừ tiền hoa hồng là 300.000 đồng, hốt được số tiền bao nhiêu không nhớ. Sau khi hốt hội xong ông có đóng hội chết cho chị D đến khi mãn hội. Đối với chung hội còn lại thì ông nuôi hội đến khi mãn thì ông yêu cầu chị D chung hội, chị D nói để chậm chờ gom hội, ông liên hệ vài lần thì chị D cũng hứa hẹn và không chung cho đến nay. Nay hội đã mãn nhưng chị D không giao hội cho ông, cụ thể 35 chung x 500.000 đồng = 17.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 300.000 đồng, còn lại 17.200.000 đồng. Ông K không đồng ý yêu cầu của chị D, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu chị D phải trả cho ông số tiền hội là 17.200.000 đồng.

- Đối với bà Dương Thị B: Không có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị D.

- Theo chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị có tham gia hội của chị D cách nay khoảng 5 năm, chị đã hốt hội, hội đã mãn. Còn chung hội chị D khai trong vụ án này là chị không tham gia và cũng không hốt hội dùm cho ông K, bà B mà chị có bỏ hội để hốt hội dùm cho chung hội của anh K1 trong dây hội ông K tham gia của chị D.

- Theo anh Nguyễn Văn K1 trình bày:

Anh K1 thừa nhận có nhờ chị Nguyễn Thị Thúy H dùm một chung hội vào ngày 20/5/2022 do chị D làm chủ hội như chị T trình bày. Chung hội trên đã được Tòa án huyện Đ xét xử giải quyết xong. Anh K1 xác định không liên quan đến vụ án, nên xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 276/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D. Buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B phải trả cho chị Nguyễn Kiều D số tiền hội là 15.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt K về việc yêu cầu chị Nguyễn Kiều D phải trả cho ông Nguyễn Việt K số tiền hội là 17.200.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/9/2024, ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Kiều D về việc buộc ông K, bà B trả số tiền hội 15.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K, buộc chị D trả cho ông K số tiền hội 17.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Việt K giữ nguyên kháng cáo; bà Dương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông K không có ý kiến tranh luận.

Chị D yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc ông K và bà B tham gia hội do chị Nguyễn Kiều D làm chủ hội là có thực tế, được ông K thừa nhận. Cụ thể, hội mở vào ngày 20/5/2021al, loại hội 500.000 đồng, mỗi tháng khai hội 01 lần, đây hội gồm 36 chung, ông K và bà B tham gia 02 chung hội; hội mãn vào ngày 20/3/2024al.

[2] Chị D cho rằng ông K và bà B đã hót hết 02 chung hội, cụ thể hót vào lần khai hội thứ 7 (ngày 20/11/2021al) và lần khai hội thứ 13 (ngày 20/5/2022al). Sau khi hót hội, ông K và bà B đóng lại hội chết đến tháng 12/2022 al thì ngưng không đóng nữa; từ tháng 12/2022al đến mãn hội ngày 20/3/2024al ông K và bà B còn nợ tiền hội chết chưa đóng là 15 kỳ x 02 chung x 500.000 đồng = 15.000.000 đồng. Ông K cho rằng chỉ hót 01 chung hội và đã đóng lại hội chết đầy đủ đến khi mãn hội; còn lại 01 chung hội ông chưa hót mà nuôi hội đến khi mãn hội, số tiền được hưởng là 17.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 300.000 đồng, còn lại 17.200.000 đồng, nhưng chị D chưa giao cho ông.

[3] Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Ông K cho rằng chung hội thứ nhất ông đã hót hội và đóng lại hội cho chị D đến khi mãn hội, nhưng ông không chứng minh được đã đóng hội cho chị D cho đến khi mãn hội như ông trình bày. Đối với chung hội thứ hai, ông K cho rằng chưa hót mà nuôi hội đến khi mãn hội; nhưng chị D cho rằng ông K đã hót vào lần khai hội thứ 13 ngày 20/5/2022 al. Đối với các hội viên tham gia trong đây hội như: Huỳnh Văn B1, Quách Thanh T1, Nguyễn Hải T2, Đặng Văn T3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Chí T4, Mai Ngọc T5 cũng xác định ông K đã hót hết 2 chung hội nêu trên. Theo ông K xác định ông là người hót hội sau cùng của đây hội, nhưng theo lời trình bày của chị Nguyễn Thanh L là hội viên trong cùng đây hội của ông K, bà B tham gia thì chị L là người hót chung hội cuối cùng (chung chót), hội đã mãn vào ngày 20/3/2024 âm lịch. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Hương L1 cũng xác định bà là người thường xuyên đi bỏ hội hàng tháng, bà xác định hai chung hội

của ông K, bà B và anh K1 sau khi khai hội được vài lần thì đã hết hết 3 chung hội.

[4] Mặt khác, tại biên bản hoà giải ngày 20/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, lời trình bày của ông K cũng thừa nhận còn thiếu tiền hội của chị D đối với 02 chung hội ông đã tham gia nêu trên. Tại phiên toà phúc thẩm, ông K cho rằng sau khi hoà giải ông đã thanh toán đủ số tiền hội còn nợ cho chị D; chị D xác định ông K không có thanh toán, nhưng ông K không có chứng cứ gì chứng minh có việc thanh toán như ông trình bày, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Do đó, có căn cứ chứng minh ông K và bà B đã hết hết 02 chung hội, nhưng không đóng hội chết đầy đủ cho chị D. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc ông K và bà B phải trả cho chị D số tiền hội còn nợ 15.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ.

[6] Đối với việc ông K có yêu cầu phản tố buộc chị D trả số tiền hội 17.200.000 đồng, thấy rằng: Như nhận định nêu trên, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K và bà B là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí (đã được miễn dự nộp).

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 276/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D.

Buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B trả cho chị Nguyễn Kiều D số tiền hội còn nợ là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông K và bà B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt K về việc buộc chị Nguyễn Kiều D phải trả cho ông Nguyễn Việt K số tiền hội là 17.200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B được miễn chịu án phí. Chị Nguyễn Kiều D không phải chịu án phí, ngày 28/5/2024, chị D đã dự nộp 375.000 đồng theo biên lai thu số 0001265 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị B được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập